TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHIÊM HÓA** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**
Số: 75/2022/QĐST-HNGĐ	*Chiêm Hóa, ngày 23 tháng 5 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 89/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2022;

Căn cứ Thông báo về việc thụ lý vụ án (bổ sung) số 01/TB-TLVA ngày 22 tháng 4 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T (tên gọi khác: Nguyễn Thu T), sinh năm 1983.

Nơi ĐKHKTT: Thôn N, xã L, huyện C, tỉnh Tuyên Quang; chỗ ở hiện nay: Thôn L1, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang;

- Bị đơn: Anh Đặng Văn T1, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T2; chức vụ: Tổng giám đốc; địa chỉ trụ sở chính: Số , phố L2, phường H, quận H1, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C, tỉnh Tuyên Quang; người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Đình P; chức vụ: Giám đốc và ông Nguyễn Quang H; chức vụ: Phó giám đốc.

Địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn V1, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 147, 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 37, 55, 57, 60, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 5 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 5 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị T (tên gọi khác: Nguyễn Thu T) và anh Đặng Văn T1.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh Đặng Văn T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đặng Đình V, sinh ngày 29/9/2005. Chị Nguyễn Thị T (Nguyễn Thu T) có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu V mỗi tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), kể từ tháng 4 năm 2022 đến khi cháu Vũ đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng thực hiện định kỳ vào ngày 16 hằng tháng.

Đối với cháu Đặng Quang H hiện nay đã đủ 18 tuổi có khả năng nhận thức và lao động bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn chị Nguyễn Thị T (Nguyễn Thu T) có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung:

+ Chị Nguyễn Thị T (Nguyễn Thu T) có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc của khoản vay ngày 19/4/2018 số tiền là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) và lãi suất theo hợp đồng vay, mã khách hàng 7055075452; mã món vay 6600000712632386.

+ Anh Đặng Văn T có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc của khoản vay ngày 19/4/2018 số tiền là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) và lãi suất theo hợp đồng vay, mã khách hàng 7055075452; mã món vay 6600000712632386.

+ Anh Đặng Văn T có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc của khoản vay ngày 19/02/2022 số tiền là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) và lãi suất theo hợp đồng vay, mã khách hàng 7055075452; mã món vay 6600000722173349.

- Về án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn): Chị Nguyễn Thị T (Nguyễn Thu T) có nghĩa vụ chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005268, ngày 04 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

Anh Đặng Văn T không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện C;
- UBND xã T (nơi ĐKKH);
- Chi cục THADS huyện C;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Đào Thị Bích Ngọc